

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 -09- 2020

V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 09 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 08 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Tô Chí T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: chị Dương Thị Ngọc N, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 18/08/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tô Chí T trình bày:

- Về hôn nhân: anh T và chị N sống chung như vợ chồng từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc,

thời gian sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cãi vã nhau thường xuyên dẫn đến ly thân nhiều năm nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị N.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh T và chị N có hai con chung Tô Thị Kiều O, sinh ngày 10/02/2000 và Tô Chí L, sinh ngày 08/07/2003. Sau khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung Tô Chí L cho chị N nuôi dưỡng, hiện nay cháu L đang sống với chị N. Anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Tô Thị Kiều O hiện nay đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Tại bản khai ngày 28/08/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị chị Dương Thị Ngọc N trình bày:

- Về hôn nhân: chị N thống nhất với anh T quá trình chung sống như anh T trình bày. Trong thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân nhiều năm nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được. Nay chị đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: chị N thống nhất với anh T có hai con chung như anh T trình bày. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, hiện nay cháu L đang sống với chị N, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Tô Thị Kiều O hiện nay đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T có đơn xin ly hôn với chị N, trú tại: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh T xin ly hôn với chị N và yêu cầu giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: anh T và chị N sống chung như vợ chồng nhiều năm, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng quá trình chung sống không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định pháp luật giữa anh chị. Do đó căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị N.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị N và anh T có hai con chung Tô Chí L, sinh ngày 08/07/2003 và Tô Thị Kiều O, sinh ngày 10/02/2000. Sau khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu L cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu L. Mặc khác, cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ, để đảm bảo quyền lợi và đáp ứng nguyện vọng của cháu L. Do đó công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa anh chị, cháu L được tiếp tục sống với chị N là phù hợp, đối với con chung O đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Phiên tòa hôm nay chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải và phiên tòa hôm nay anh T, chị N khẳng định không tranh chấp tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa chị N và anh T sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T, chị N khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa anh T và chị N sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ - Về quan hệ hôn nhân:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tô Chí T và chị Dương Thị Ngọc N.

2/ - Về quan hệ con chung:

- Công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa anh Tô Chí T và chị Dương Thị Ngọc N.

Chị Dương Thị Ngọc N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Chí L, sinh ngày 08/07/2003, hiện nay cháu L đang sống với chị N.

Anh Tô Chí T được quyền thăm nom và chăm sóc cháu L không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3/- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

4/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6/- Về án phí:

- Anh Tô Chí T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002444 ngày 25 tháng 08 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Như vậy anh T đã nộp đủ.

- Chị Dương Thị Ngọc N không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

